

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2024
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Võ Thị Kim Hoa**

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà **Võ Thị Diệp**

Ông **Trần Văn Bé Hai**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Trọng Nhân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **214/2024/QĐXXST- HNGĐ** ngày 23 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền của chị P về con chung, tài sản và nợ là chị Nguyễn Trần Ngọc T, sinh năm 1989. Địa chỉ: đường B, Tổ B, Khóm C, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị P có đơn xin vắng mặt, chị T, anh B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2024, lời khai tại tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn B qua mai mối được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/8/2013.

Vì hôn nhân qua sự mai mối nên khi cưới nhau về chung sống chị P và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng mọi quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Anh B không có công việc ổn định, ai thuê gì làm nấy nhưng ngày nào cũng ăn nhậu, nhậu về thì kiểm chuyện chửi mắng, đánh đập chị P, nhưng chị P vì 02 con chung nên cố gắng chịu đựng và khuyên can anh B nhưng anh B vẫn không thay đổi. Do không thể chịu đựng sự bạo hành đánh đập của anh B nên từ tháng 02/2019 chị P về nhà cha mẹ ruột sinh sống; khi đi chị P có dẫn theo 02 đứa con nhưng sau đó, mẹ của anh B xuống nhà cha mẹ chị P xin dẫn 02 đứa con chị P về để tiện việc ăn học.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và đời sống chung không thể kéo dài nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B.

Đại diện theo uỷ quyền về con chung, tài sản chung và nợ của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P là chị Nguyễn Trần Ngọc T trình bày:

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 11/9/2008 và Lê Thị Diễm T1, sinh ngày 24/01/2017. Hiện nay, 02 con chung đang sống với anh B. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Thị Diễm M và Lê Thị Diễm T1 và không yêu cầu anh Bằng cấp d nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: **Chị P đồng ý giao 02 con chung cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung.**

- Về tài sản chung: Chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung, tuy nhiên do anh Bằng k tranh chấp nên chị P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Lê Văn B là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh B và chị P tự nguyện quen biết nhau, tìm hiểu và tổ chức đám cưới năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện đã sống

ly thân. Chị P yêu cầu ly hôn thì anh B thống nhất đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 11/9/2008 và Lê Thị Diễm T1, sinh ngày 24/01/2017. Hiện nay, 02 con chung đang sống với anh B. Khi ly hôn anh B yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh B xác định vợ chồng có tài sản chung, tuy nhiên anh sẽ thỏa thuận với chị P, không tranh chấp trong vụ án này và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp thì anh B sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về nợ chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp

- 01 Trích lục kết hôn Nguyễn Thị P – Lê Văn B, ngày đăng ký 14/8/2013 tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Bản sao).

- 01 Giấy khai sinh Lê Thị Diễm T1, sinh ngày 24/01/2017 (Bản sao);

- 01 Trích lục khai sinh Lê Thị Diễm M, sinh ngày 11/9/2008 (bản sao);

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập:

- Kết quả xác minh nhân khẩu số 20/TL-CAX ngày 29/5/2024 của Công an xã M;

- Biên bản xác minh ngày 22/5/2024.

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 09/4/2024, đã được thông báo cho đương sự vắng mặt được biết, không có ý kiến gì và không có yêu cầu sao chụp tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P về việc ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với anh Lê Văn B, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con

chung và chia tài sản chung” theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Theo đơn khởi kiện chị P trình bày Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Thị Diễm M và Lê Thị Diễm T1 và không yêu cầu anh Bằng cấp d nuôi con. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: Chị P đồng ý giao 02 con chung Lê Thị Diễm M và Lê Thị Diễm T1 cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị P là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về nội dung:

[5.1]. Chị Nguyễn Thị P yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn B.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị P và anh B kết hôn và sống chung với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 14/8/2013 nên hôn nhân giữa chị P và anh B là hợp pháp. Trong quá trình sống chung hai bên đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm nhạt dần, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân trở nên căng thẳng vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay anh B cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị P. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

[5.2] Về con chung: Chị P và anh B có 02 con chung, tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 11/9/2008 và Lê Thị Diễm T1, sinh ngày 24/01/2017, hiện các con chung đang sống chung với chị B. Khi ly hôn anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng là cần

xem xét điều kiện phát triển và chăm sóc con chung. Do các con chung hiện đang sống chung với anh B ổn định về mọi mặt nên anh B. Đồng thời, chị P cũng đồng ý giao 02 con chung cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng. Nên giao 02 con chung cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tuy nhiên không có yêu cầu chị P. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị P.

Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thỏa thuận của chị P và anh B.

Giao 02 con chung, tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 11/9/2008 và Lê Thị Diễm T1, sinh ngày 24/01/2017 cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi các con chung do anh B không có yêu cầu.

Chị P và anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[5.3]. Về tài sản chung:

Chị P trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có tài sản chung. Tuy nhiên do anh Bằng k tranh chấp nên chị P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B trình bày vợ chồng có tài sản chung. Tuy nhiên anh B sẽ tự thỏa thuận với chị P, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy chị P và anh B đều chưa thống nhất được vấn đề chia tài sản chung khi vợ chồng ly hôn, tuy nhiên chị P và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5.4] Về nợ chung: Chị P và anh B thống nhất trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

[6]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0008266 ngày 01/3/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Lê Văn B.

- Về con chung:

Anh Lê Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Thị Diễm M, sinh ngày 11/9/2008 và Lê Thị Diễm T1, sinh ngày 24/01/2017. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh B không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0008266 ngày 01/3/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa